TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2023/DS-PT
Ngày: 22/3/2023
V/v: "Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các thẩm phán: - Ông **Nguyễn Văn Tào.**

- Ông **Trần Quốc Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **249**/2022/TLPT- DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về: *"Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 801/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1; cùng địa chỉ: 79 Đường C, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gai Lai. Ông T, bà T1 đều có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U; cùng địa chỉ: 77 Đường C, tổ 5, phường Y, thành phố P, tỉnh Gai Lai. Ông M có mặt, bà U có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Thanh Q; địa chỉ: 123/12 đường P1, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 trình bày:

Nhà và đất của vợ chồng ông, bà thuộc thửa đất số 101 tờ bản đồ số 22, có diện tích 88,10m^2, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 tại số 79 Đường C, tổ 5, phường

Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Được UBND tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603010477 ngày 31/01/2001 mang tên Đặng Thị Thế T1 và Nguyễn Mạnh T.

Liền kề nhà đất của ông, bà là nhà và đất của vợ chồng ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị U số nhà 77 Đường C, tổ 5, phường Y, thành phố P.

Sau khi tháo dỡ nhà và san mặt bằng ông M và bà U mới thấy phần đất giáp ranh liền kề của hai gia đình ông, bà có hiện trạng không theo một đường thẳng, bởi vì phần đầu đất ông M, bà U rộng ra, phần đuôi nhỏ lại, trong khi phần đất của ông, bà có phần đầu hẹp hơn và phần đuôi rộng hơn. Với thực trạng đất như vậy rất khó khăn cho việc xây dựng nhà cửa. Vì vậy, ngày 09/4/2009, vợ chồng ông M và bà U sang nhà vợ chồng ông, bà xin thỏa thuận xác định ranh giới giữa hai nhà.

Gia đình ông T, bà T1 cắt phần đuôi cho gia đình ông M, bà U 20cm, phía ông M, bà U cắt phần tường phía trước ranh giới giữa hai nhà trước kia là đường cong. Sau khi thương lượng điều chỉnh ranh giới giữa hai gia đình nhà số 77 và 79 Đường C là đường thẳng từ phía trước ra phía sau (từ phần tường rào sát phần tường mới nhà ông M thì ông T, bà T1 được quyền sử dụng hoàn toàn).

Giấy thỏa thuận được hai gia đình ký cam kết và có sự xác nhận của Tổ dân phố 5, phường Y, thành phố P.

Đến ngày 13/9/2010 ông M, bà U được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC066407, thửa đất số 102, tờ bản đồ số 22, diện tích số 136,39m^2 mang tên ông M. Do khi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M, bà U đã kê khai cả phần diện tích đất của vợ chồng ông, bà đã trao đổi cho và cả phần diện tích phía trước của ông vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũa ông M mà theo thỏa thuận ngày 09/4/2009 là phần đất phía trước ông M, bà U giao cho vợ chồng ông, bà theo thỏa thuận ranh giới hai nhà là đường thẳng từ trước ra đến sau.

Mặc dù, trong quá trình xây dựng nhà ông M, bà U không xây dựng trên phần đất này nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC066407 của căn nhà 77 Đường C đã thể hiện phần diện tích dô ra đó. Nên khi gia đình ông, bà thiết kế cũng như tiến hành xây dựng nhà ở thì cơ quan địa chính, xây dựng phường Y và Quản lý đô thị thành phố P không cho ông, bà được thiết kế, xây dựng trên phần diện tích này vì đã thuộc quyền sử dụng đất của ông M, bà U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Nên ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị U thực hiện đúng như cam kết "*Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới"* ngày 09/4/2009 cho gia đình ông, bà với kích thước như sau: mặt trước đường C hướng Bắc chiều ngang đo được 0,3m; chiều dài 8,1m; chiều ngang mặt sau là 0,2m. Diện tích là 2,025m, giá trị khoản 9.400.000 VNĐ.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 066407 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Quang M ngày 13/9/2010 thuộc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 22 tại số nhà 77 Đường C, Tổ 5, phường Y, TP. P, T. Gia Lai đối với diện tích đất mà ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị U đã thỏa thuận giao cho ông, bà (đổi đất) nhằm để ranh giới giữa hai nhà 77 và 79 Đường C, Tổ 5, Phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai là một được thẳng từ phía sau ra phía trước.

Ngày 27/7/2022, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 066407 thửa đất số 102, tờ bản đồ số 22 tại 77C Đường C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang M và bà Nguyễn Thị U tiếp tục thực hiện đúng như cam kết "*Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới"* ngày 09/4/2009 cho gia đình ông, bà với kích thước như sau:

+ Phía Đông giáp đất nhà ông M dài 8,50m.

+ Phía Tây giáp đất ông T dài 8,49m.

+ Phía Nam giáp đất của ông T, ông M dài 0,18m + 0,02m

+ Phía Bắc giáp đường C 0,18m + 0,12m

Có diện tích: 2.10 m^2

2. Bị đơn là ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Ngô Thanh Q trình bày:

Theo bản thỏa thuận giữa 2 bên thì ông M và bà U đã sử dụng phía đuôi của phần đất nhà ông T và bà T1 có chiều ngang là 0,15 m (15 cm) được đo đạc giữa 2 lần do Tòa án đứng ra chỉ đạo ngành chức năng và chứng kiến (một lần bằng thủ công thước tay và một lần được đo bằng máy) cả hai lần đều có giá trị chiều rộng như nhau. Trên cơ sở nội dung thỏa thuận giữa hai bên được nêu rõ chi tiết từng nội dung như:

Gia đình ông T và bà T1 cắt phần đuôi cho gia đình ông M và bà U khoảng độ 20 cm không có diện tích cụ thể mà chỉ nói ước chừng về chiều ngang, phía ông M và bà U cắt phần tường (cũ) phía trước, như vậy ông M và bà U thực tế chỉ lấy phần (đuôi) đất của ông T và bà T1 15 cm thì chỉ có trách nhiệm phải trả lại cho ông T và bà T1 15 cm (hoặc hết phần tường mà ông M đã để lại) (có giá trị đổi ngang).

Kể từ ngày 09/4/2009 ranh giới giữa hai gia đình căn hộ 77 và 79 Đường C là đường thẳng từ trước ra phía sau; ông M, bà U đảm bảo rằng khi ông M cắt trả phần đất phía trước cho ông T và bà T1 có chiều ngang bằng 15cm hoặc có

một giá trị bất kỳ khác trên phần đất của ông M, bà U chưa xây thì ranh giới hai nhà vẫn là đường thẳng (đúng theo thỏa thuận).

Sau khi ông M, bà U xây dựng nhà kiên cố đã để lại phần tường phía trước cho nhà ông T như vậy khẳng định ông M, bà U đã thực hiện xong các nội dung đã thỏa thuận ngày 09 tháng 04 năm 2009. Vấn đề khác trong thỏa thuận của hai bên không có nội dung: Trách nhiệm của bất cứ bên nào sau khi giao đất phải làm thủ tục cho bên kia liên quan đến điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cả về thời gian và địa lý lô đất).

Trên thực tế, theo thỏa thuận năm 2009, thì đến nay vợ chồng ông M, bà U không còn bất cứ nghĩa vụ gì đối với vợ chồng ông T và bà T1.

Tóm lại vợ chồng ông T và bà T1 đã khởi kiện vợ chồng ông M, bà U là tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu thực hiện theo thỏa thuận thì gia đình ông, bà đã thực hiện xong, việc khởi kiện là hoàn toàn sai trái và không thể chấp nhận được, ông M, bà U đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét lại một cách thấu tình đạt lý về các nội dung và mối quan hệ trong thỏa thuận để ra quyết định đình chỉ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Theo như trong *"Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới"* ngày 09/4/2009 thì hai bên không thỏa thuận về việc các bên phải có nghĩa vụ phải cung cấp bìa đỏ để bên kia đi điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trên tinh thần thiện chí ông M, bà U đồng ý đưa bìa đỏ cho nguyên đơn để làm lại bìa đỏ nếu bên nguyên đơn đồng ý phần diện tích trao đổi có chiều ngang 0.15m. Trong trường hợp nguyên đơn không đồng ý với phần diện tích này mà đòi diện tích nhiều hơn thì ông M, bà U yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 4; 6; 121; 122; 283; 693; 695; 696 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng Điều 84; 106; 126; 136 của Luật đất đai (năm 2003).

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U tiếp tục thực hiện đúng như cam kết *"Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới"* ngày 09/04/2009.

Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 được quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 2.10 m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất nhà ông M dài 8,50m;

+ Phía Tây giáp đất ông T dài 8,49m;

+ Phía Nam giáp đất của ông T, ông M dài 0,18m + 0,02m; + Phía Bắc giáp đường C 0,18m + 0,12m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện trình tự, thủ tục về đăng ký biến động đối với diện tích đất nêu trên.

- Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong việc đăng ký biến động về quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 066407 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Quang M ngày 13/09/2010 thuộc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 22 tại số nhà 77 Đường C, Tổ 5, Phường Y, Thành phố P, Tỉnh Gia Lai cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện trình tự, thủ tục về đăng ký biến động về quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị U kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T và bà Đặng Thị Thế T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Ngô Thanh Q là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị U, giữ nguyên dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U về tranh chấp hoán đổi một phần quyền sử dụng đất theo thỏa thuận. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 điều 26, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung vụ án: Xét toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U thì thấy: Ngày 09/4/2009, ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 là chủ thể có quyền sử dụng các thửa đất số 101 tờ bản đồ số 22 và ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U là chủ thể có quyền sử dụng các thửa đất số 102 tờ bản đồ số 22 lập "*Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới*". Nội dung văn bản nêu trên thể hiện: "*Ranh giới giữa hai gia đình nhà số 77 và 79 Đường C là đường thẳng từ phía trước ra phía sau*". Văn bản này được Tổ dân phố 5, phường Y, thành phố P xác nhận. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định giữa hai chủ thể thửa đất số 101 và 102 tờ bản đồ số 2 có quan hệ hoán đổi một phần quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận đã được nhà nước công nhận. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự thể hiện: "*Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp. Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung*". Đối chiếu với quy định nêu trên thì "*Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới*" ghi ngày 09/4/2009 là căn cứ để xác định ranh giới, mốc giới vị trí các thửa đất số 101 và 102 tờ bản đồ số 2, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi có văn bản nêu trên, thực tế bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U đã xây dựng công trình vật kiến trúc trên đất theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên giữa hai bên chủ thể có quyền sử dụng đất chưa liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn hoàn trả phần diện tích đã hoán đổi là có căn cứ.

Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là có thiếu sót. Các chủ thể không thỏa thuận về việc chuyển nhượng mà chỉ hoán đổi một phần diện tích đất nên có sự thay đổi về ranh giới, mốc giới. Tuy nhiên sai sót này là không nghiêm trọng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự, Điều 84; 106; 126; 136 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U tiếp tục thực hiện đúng như cam kết *"Văn bản thỏa thuận xác định ranh giới"* ngày 09/04/2009.

Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 được quyền sử dụng đối với phần diện tích đất 2.10 m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất nhà ông M dài 8,50m;

+ Phía Tây giáp đất ông T dài 8,49m;

+ Phía Nam giáp đất của ông T, ông M dài 0,18m + 0,02m; + Phía Bắc giáp đường C 0,18m + 0,12m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện trình tự, thủ tục về đăng ký biến động đối với diện tích đất nêu trên.

- Ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong việc đăng ký biến động về quyền sử dụng đất.

- Ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 066407 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho ông Nguyễn Quang M ngày 13/09/2010 thuộc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 22 tại số nhà 77 Đường C, Tổ 5, Phường Y, Thành phố P, Tỉnh Gia Lai cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh T, bà Đặng Thị Thế T1 liên hệ với

cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện trình tự, thủ tục về đăng ký biến động về quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

- Án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí DSPT: Buộc ông Nguyễn Quang M, bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000180 ngày 13/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn